

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	259,540,619,000	205,178,619,000	194,656,232,263	159,546,500,339	75.0	77.8
I	Các khoản thu hưởng 100%	1,545,000,000	505,000,000	342,289,736	122,626,230	22.2	24.3
	Các loại phí, lệ phí	190,000,000	190,000,000	126,820,100	93,611,100	66.7	49.3
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	55,000,000	55,000,000			0.0	0.0
	Thu tiền phạt			171,353,800	21,526,000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	1,300,000,000	260,000,000	44,115,836	7,489,130	3.4	2.9
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %	75,550,000,000	22,228,000,000	42,752,805,810	7,862,737,392	56.6	35.4
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			246,595,849			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			12,058,882,409			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9,750,000,000	5,252,000,000	5,599,627,728	2,627,395,326	57.4	50.0
	Thuế thu nhập cá nhân			6,004,450,256	-12,920,000		
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	7,000,000,000	4,270,000,000	4,233,282,164	2,329,805,442	60.5	54.6
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	420,000,000	420,000,000	24,940,104	24,940,104	5.9	5.9
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200,000,000	80,000,000	118,427,300	196,520	59.2	0.2
	Thu tiền sử dụng đất	58,180,000,000	12,206,000,000	14,466,600,000	2,893,320,000	24.9	23.7
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	Thu Viện trợ						
D	Thu chuyển nguồn			10,454,308,113	10,454,308,113		
E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	182,445,619,000	182,445,619,000	121,336,419,208	141,106,828,604	66.5	77.3
1	Bổ sung cân đối	154,927,000,000	154,927,000,000	108,000,000,000	108,000,000,000	69.7	69.7
2	Bổ sung có mục tiêu	1,080,000,000	1,080,000,000	6,668,209,604	6,668,209,604	617.4	617.4
3	Thu bổ sung có mục tiêu đầu tư công	26,438,619,000	26,438,619,000	6,668,209,604	6,668,209,604	25.2	25.2